

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1407/TTr-SGTVT ngày 10 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thiết lập quy trình điện tử giải quyết các thủ tục hành chính này trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.


Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT Hoàng Hải Minh;
- Các Sở: TTTT, KHCN;
- PCVP H.V.Cường, TTPVHCC, CV: GT;
- Lưu: VT, KSTTHC.



Hoàng Hải Minh



DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

| STT | Tên TTHC |
|-----|--|
| 1. | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa |
| 2. | Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu |
| 3. | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa |
| 4. | Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa |
| 5. | Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa |
| 6. | Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa |
| 7. | Thiết lập khu neo đậu |
| 8. | Công bố hoạt động khu neo đậu |
| 9. | Công bố đóng khu neo đậu |
| 10. | Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa |
| 11. | Công bố hoạt động bến thủy nội địa |
| 12. | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính |
| 13. | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa |
| 14. | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa |
| 15. | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài |
| 16. | Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa |
| 17. | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa |
| 18. | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công |
| 19. | Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương |

| | |
|-----|--|
| 20. | Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng |
| 21. | Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng |
| 22. | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa |
| 23. | Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa |
| 24. | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa |
| 25. | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông |

II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THỪA THIÊN HUỆ

1. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|----------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

2. Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

3. Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

4. Thỏa thuận nâng cấp bên thủy nội địa thành cảng thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

5. Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa:

5.1. Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|----------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

5.2. Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký văn bản trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình Bộ GTVT. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ Giao thông vận tải | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. | 40 giờ làm việc |
| Bước 8 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 80 giờ làm việc |

6. Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

7. Thiết lập khu neo đậu:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

8. Công bố hoạt động khu neo đậu:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

9. Công bố đóng khu neo đậu:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

10. Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|----------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

11. Công bố hoạt động bên thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 24 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

12. Công bố hoạt động bên khách ngang sông, bên thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 24 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

13. Công bố lại hoạt động bên thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 24 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

14. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa:

14.1. Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

14.2. Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký văn bản trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình Bộ GTVT. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ Giao thông vận tải | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. | 40 giờ làm việc |
| Bước 8 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 80 giờ làm việc |

15. Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

16. Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa:

16.1. Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

16.2. Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký văn bản trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình Bộ GTVT. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ Giao thông vận tải | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và ra quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. | 40 giờ làm việc |
| Bước 8 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 80 giờ làm việc |

17. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bên thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|---|--|---------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt. | |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký văn bản lấy ý kiến của Chi cục đường thủy nội địa khu vực. | |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ cho Chi cục đường thủy nội địa khu vực. | |
| Bước 7 | Chi cục đường thủy nội địa khu vực | Kiểm tra, tiếp nhận văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, có văn bản trả lời | 40 giờ làm việc |
| (Bước 8) | Cảng vụ hàng hải | Kiểm tra, tiếp nhận văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, có văn bản trả lời | 40 giờ làm việc |
| Bước 9 | Sở Giao thông vận tải | Kiểm tra, tiếp nhận văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực (Cảng vụ hàng hải), có văn bản thỏa thuận thông số | 40 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|-------------------------|
| | | kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư | |
| Bước 10 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 120 giờ làm việc |

Ghi chú: Trường hợp bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thì thực hiện thêm Bước 8.

18. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|----------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

19. Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|---|--|---------------------|
| Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư/Bộ phận TN&TKQ của sở Giao thông vận tải | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh (gồm bản điện tử và bản giấy) | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý | 04 giờ làm việc |
| Bước 8 | Chuyên viên VP UBND tỉnh | Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt | 24 giờ làm việc |
| Bước 9 | Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 10 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Phê duyệt kết quả TTHC | 04 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|---|------------------------|
| Bước 11 | Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | 04 giờ làm việc |
| Bước 12 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 80 giờ làm việc |

20. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|---|---|---------------------|
| Bước 1 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh Bộ phận HC-TH của Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 60 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư/Bộ phận TN&TKQ của sở Giao thông vận tải | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh (gồm bản điện tử và bản giấy) | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Bộ phận TN&TKQ của VP UBND tỉnh tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho sở, ban, ngành và chuyển hồ sơ cho chuyên viên VP thụ lý | 04 giờ làm việc |
| Bước 8 | Chuyên viên VP UBND tỉnh | Xem xét, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt | 64 giờ làm việc |
| Bước 9 | Lãnh đạo VP UBND tỉnh | Kiểm tra, phê duyệt ký vào hồ sơ | 04 giờ làm việc |
| Bước 10 | Lãnh đạo UBND tỉnh | Phê duyệt kết quả TTHC | 04 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|---|-------------------------|
| Bước 11 | Bộ phận văn thư VP UBND tỉnh | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển kết quả cho Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | 04 giờ làm việc |
| Bước 12 | Bộ phận TN&TKQ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm PV Hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có). | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 160 giờ làm việc |

21. Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 02 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 08 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 02 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 24 giờ làm việc |

22. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa:

22.1. Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

22.2. Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|------------------|---|--|---------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt. | |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký văn bản trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kết quả. | |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Vào sổ văn bản, đóng dấu, ký số, chuyển hồ sơ trình Bộ GTVT. | |
| Bước 7 | Bộ Giao thông vận tải | Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với việc xây dựng cảng thủy nội địa. | 40 giờ làm việc |
| Bước 8 | Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Kiểm tra, tiếp nhận văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải và có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải | 40 giờ làm việc |

| | | | |
|---------------------------------------|--|---|-------------------------|
| Bước 9 | Bộ Giao thông vận tải | Kiểm tra, tiếp nhận văn bản thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư | 40 giờ làm việc |
| Bước 10 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 120 giờ làm việc |

23. Thỏa thuận về nội dung liên quan đưg thủy nội địa đối với công trình không thông thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đuy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tĩ | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sạậ hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý gĩ | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công gĩ công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý gĩ | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý gĩ | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tĩ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tĩ | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/ tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

24. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|--|---|---|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra điều kiện trả cho cá nhân/tổ chức; số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | kiểm tra hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | kiểm tra, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo quyết định giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | kiểm tra, xem xét, xác nhận dự thảo quyết định giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | kiểm tra, phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn phòng | in ấn, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | đưa hồ sơ lên phần mềm một cửa; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức. | |
| Tổng Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |

25. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông:

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

| Thứ tự công việc | Đơn vị/người thực hiện | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------------|---|--|------------------------|
| Bước 1 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho cá nhân/tổ chức; - Số hóa hồ sơ, chuyển hồ sơ trên phần mềm một cửa và hồ sơ giấy (<i>trừ trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến</i>) cho phòng An toàn và Quản lý giao thông xử lý hồ sơ. | 04 giờ làm việc |
| Bước 2 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công giải quyết. | 04 giờ làm việc |
| Bước 3 | Chuyên viên phòng An toàn và Quản lý giao thông | Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết. | 20 giờ làm việc |
| Bước 4 | Lãnh đạo phòng An toàn và Quản lý giao thông | Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả. | 04 giờ làm việc |
| Bước 5 | Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải | Ký phê duyệt kết quả TTHC. | 04 giờ làm việc |
| Bước 6 | Bộ phận văn thư | Đóng dấu, chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | 04 giờ làm việc |
| Bước 7 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Xác nhận trên phần mềm một cửa; Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức. | |
| Tổng thời gian giải quyết TTHC | | | 40 giờ làm việc |